TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44**/2019/HC-PT
Ngày: 18-4 - 2019
V/v: *Khiếu kiện yêu cầu hủy một phần các quyết định hành chính*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Văn Tiến**
Các Thẩm phán: **Ông Lê Tự**
Ông Võ Ngọc Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thanh Thuỷ**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Xuân Ân** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2019/TLPT-HC ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc: "*Khiếu kiện yêu cầu hủy một phần các quyết định hành chính*". Do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **199**/2019/QĐ-PT ngày 19 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Huỳnh Thị C (đã chết).

Người kế thừa, quyền nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện:

- Ông Đặng Thành C2; địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn C1, huyện C1, tỉnh Gia Lai.
- Bà Đặng Thị Kim L; địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn C1, huyện C1, tỉnh Gia Lai.
- Ông Đặng Thanh D; địa chỉ: Thôn 1, xã I, huyện C1, tỉnh Gia Lai.
- Ông Đặng Ngọc H1; địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn C1, huyện C1, tỉnh Gia Lai.
- Bà Mai Thị Ngọc A; địa chỉ: Làng TN, xã H, huyện C1, tỉnh Gia Lai.
- Anh Đặng Tư N; địa chỉ: Làng TN, xã H, huyện C1, tỉnh Gia Lai.
- Anh Đặng Văn H2; địa chỉ: Làng TN, xã H, huyện C1, tỉnh Gia Lai.

Bà Mai Thị Ngọc A là người đại diện theo pháp luật của anh Đặng Tư N và anh

Đặng Văn H2.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị Kim L, ông Đặng Thanh D, ông Đặng Ngọc H1, bà Mai Thị Ngọc A, anh Đặng Tư N, anh Đặng Văn H2: Ông Đặng Thành C2; địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn C1, huyện C1, tỉnh Gia Lai. Ông C2 có mặt.

2. Người bị kiện:

- Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ trụ sở: 02 đường Tr, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có văn bản đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt và không ủy quyên cho người khác tham gia tố tụng.

- Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện C1; Địa chỉ trụ sở: 761 đường H3, thị trấn C1, huyện C1, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện C1: Ông Nguyễn Hữu T1, chức vụ: Phó chủ tịch ủy ban nhân dân huyện C1 (Văn bản ủy quyền số 919/QĐ-UBND ngày 28/11/2017). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2017 và bản tự khai, người khởi kiện bà Huỳnh Thị C; người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà C đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện khác là ông Đặng Thành C2 trình bày:

Ngày 18/9/2012, Ban công trình đô thị và vệ sinh môi trường (CTĐT&VSMT) phối hợp với UBND thị trấn C1 xác minh nguồn gốc sử dụng đất phục vụ công tác bồi thường, giải tỏa để xây dựng đường P1 nối dài đoạn C3 đến N1 và đoạn quy hoạch số 2 đến H4. Trong buổi họp, ông C2 (con trai của bà C) trình bày: Từ trước năm 1990 có rất đông dân từ các nơi về làm ruộng vụ mùa và vụ đông xuân giữa khu vực hồ B, trong đó có gia đình ông, ai có nhu cầu xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời là 10 năm từ năm 1991 đến năm 2001. Đối với phần đất ruộng khoảng 1.000m^2 liền kề với đất của gia đình ông được khai hoang cùng thời gian đó được giữ lại và sử dụng trồng lúa ổn định. Năm 2003, bà C để lại thừa kế mảnh đất ruộng phía sau cho ông C2, trong đó có phần diện tích ruộng nêu trên, Giấy thừa kế có các anh, chị, em trong nhà, đại diện hội người cao tuổi chuyển đến cùng thời điểm và tổ trưởng tổ dân phố ký xác nhận.

Năm 2003, ông C2 làm nhà trên mảnh đất mà ông C2 được bà C để thừa kế, khu vực ruộng đắp bờ trồng mía, đến năm 2008 chuyển sang trồng chuối và xây tường rào. Trong buổi họp xác minh, ông Đặng Văn A1 trình bày: Gia đình tôi và gia đình bà C từ xã I chuyển ra từ năm 1982, nhận sang nhượng của ông Đỗ Công T2 mỗi người 1/2 lô đất, phần đất của tôi riêng, của bà C riêng, phía Đông thửa đất của bà C khai hoang làm ruộng lâu lắm rồi, tôi không nhớ năm nào; ông Phan C4 trình bày: Từ

khi tôi chuyển về đây ở đã thấy bà C sử dụng trồng lúa trên mảnh đất đó cả đám trên và đám dưới. Tất cả các thành viên trong buổi họp đều thống nhất đồng ý và ký xác nhận làm cơ sở đền bù giải tỏa sau này. Việc ghi lại ý kiến từng thành viên trong buổi họp hay không là do các cấp có thẩm quyền, gia đình bà không biết. Còn về hồ sơ đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào năm 2000 bà C kê khai phần đất sang nhượng của ông Đỗ Công T2 nằm trên cao không ngập nước theo mùa, đến năm 2007 thì bà C được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 11/9/2013, UBND huyện C1 ban hành quyết định số 10/QĐ- UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 01/PA-DTD ngày 0/7/2013 cho hộ bà C, theo quyết định thì hộ bà C được bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền là 244.359.000 đồng.

Tuy nhiên, gia đình bà C không đồng ý với việc bồi thường về đất đối với diện tích 892,8m^2 đất nông nghiệp chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và khiếu nại yêu cầu được hỗ trợ thêm 50% giá đất ở đối với phần diện tích 892,8m^2 đất nông nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 4, Điều 12 của Quyết định số 05A/2011/QĐ-UBND của UBND tỉnh Gia Lai.

Ngày 31/12/2013, ban CTĐT &VSMT mời gia đình bà C đến để chi trả số tiền bồi thường nhưng gia đình bà C không đồng ý và yêu cầu được hỗ trợ thêm. Đến ngày 06/4/2015, ban CTĐT &VSMT cưỡng chế, đập phá rào chắn cho xe múc đất để xây dựng đường mà không có văn bản gì. Ngày 14/10/2015 và ngày 22/12/2015, bà C gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện C1. Ngày 26/12/2015, gia đình bà C bị cưỡng chế thu hồi đất để xây dựng đường hoàn thiện.

Ngày 06/4/2016, UBND huyện C1 ban hành quyết định số 141/QĐ- UBND giải quyết nội dung đơn khiếu nại của ông C2. Không đồng ý với Quyết định 141/QĐ-UBND, ông C2 tiếp tục khiếu nại đến UBND tỉnh. Ngày 26/4/2016, UBND tỉnh Gia Lai số 1820/UBND-NC giao Sở Tài nguyên và môi trường kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại của ông C2. Thực hiện các văn bản số 5064/UBND-NC ngày 03/11/2016 của UBND tỉnh và báo cáo số 05/BC- HĐTV của Hội đồng tư vấn giải quyết khiếu nại tỉnh, UBND huyện C1 ban hành quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 07/12/2016 về việc thu hồi quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 06/4/2016, quyết định số 783/QĐ-UBND ngày 07/12/2016 của Chủ tịch UBND huyện C1 về việc giải quyết khiếu nại của ông C2. Ngày 15/12/2016, ông C2 có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai về việc không đồng ý với quyết định số 783/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện C1. Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai đã giao cho Thanh tra tỉnh, Sở Tài nguyên và môi trường, UBND huyện C1 kiểm tra, xác minh và đề xuất giải quyết đơn của ông C2. Ngày 24/01/2017, UBND tỉnh đã có văn bản số 335/UBND-NC gửi Chủ tịch UBND huyện C1 yêu cầu Chủ tịch UBND huyện C1 triển khai thực hiện báo cáo số 07/BC-TTr ngày 13/01/2017 của Thanh tra tỉnh. Căn cứ vào báo cáo số 07/BC-TTr và văn bản số 335/UBND-NC, ngày 01/3/2017 UBND huyện C1 đã ban hành quyết định số 125a/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 783/QĐ-UBND ngày 07/12/2016.

Ngày 8/3/2017, chủ tịch UBND huyện C1 đã ban hành quyết định số 129/QĐ-

UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông C2 (người được bà C ủy quyền). Ông C2 không đồng ý nên ngày 15/3/2017, ông C2 có đơn khiếu nại đến chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh. Ngày 18/5/2017, Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 516/QĐ-UBND.

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu Tòa án hủy bỏ một phần quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 18/5/2017 do ông Kpă Thuyên - phó chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ký thay chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giải quyết khiếu nại của ông Đặng Thành C2 (người được bà Huỳnh Thị C ủy quyền thực hiện việc khiếu nại), cư trú tại tổ dân phố 10, thị trấn C1, huyện C1, tỉnh Gia Lai; cụ thể là hủy bỏ phần ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai buộc gia đình bà C lấn chiếm 892,8m^2 đất nông nghiệp.

- Yêu cầu Tòa án hủy bỏ một phần quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 08/3/2017 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện C1 về việc giải quyết nội dung đơn khiếu nại của ông Đặng Thành C2 (người được bà Huỳnh Thị C ủy quyền), trú tại tổ dân phố 10, thị trấn C1, huyện C1, tỉnh Gia Lai; cụ thể là yêu cầu hủy bỏ Điều 1 của quyết định này.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện C1 là ông Nguyễn Hữu T1, chức vụ Phó chủ tịch úy ban nhân dân huyện C1 trình bày:

Việc Chủ tịch UBND huyện C1 ban hành Quyết định số 129/QĐ- UBND ngày 8/3/2017 về việc giải quyết nội dung đơn khiếu nại của ông Đặng Thành C2 (người được bà Huỳnh Thị C ủy quyền) là đúng quy định của pháp luật. Chủ tịch UBND huyện C1 giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại số 129/QĐ-UBND và yêu cầu ông C2 chấp hành quyết định giải quyết khiếu nại số 129.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai có văn bản trình bày ý kiến số 4496/UBND-NC ngày 7/12/2017:

Việc Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai ban hành quyết định số 516/QĐ-UBND là để giải quyết nội dung khiếu nại của bà C về việc yêu cầu được hỗ trợ thêm 50% giá đất ở đối với phần diện tích 892,8m^2 đất nông nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 4, Điều 12 của Quyết định số 5A/2011/QĐ-UBND ngày 25/4/2011 của UBND tỉnh Gia Lai. Tuy nhiên, sau khi xem xét khiếu nại nêu trên thì phát hiện diện tích 892,8m^2 đất nông nghiệp không thuộc đối tượng được bồi thường khi thu hồi (quá trình kiểm tra, xác minh và căn cứ giải quyết đã thể hiện rõ tại Quyết định số 516/QĐ-UBND). Quá trình đối thoại giải quyết vụ việc, ông C2 vẫn cho rằng diện tích đất 892,8m^2 đất nông nghiệp gia đình ông sử dụng từ năm 1986 nhưng căn cứ duy nhất ông C2 đưa ra để chứng minh là có xác nhận của một số hộ dân. Trong khi đó, qua xác minh, kiểm tra hồ sơ quản lý đất đai và hồ sơ kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C và các hộ lân cận thì thể hiện diện tích 892,8m^2 là đất thủy lợi Hồ B thuộc thửa đất số 7, tờ bản đồ số 62 do UBND thị trấn C1 quản lý; qua xác minh các hộ dân thì có nhiều ý kiến khác nhau về nguồn gốc và thời điểm gia đình bà C sử dụng diện

tích 892,8m^2 đất (nội dung này đã thể hiện rõ tại Quyết định 516). Từ những cơ sở trên đây, Chủ tịch UBND tỉnh giữ nguyên kết quả giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 18/5/2017. Và Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết toàn bộ vụ việc vắng mặt Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai và chủ tịch UBND tỉnh cũng không ủy quyền người khác tham gia tố tụng.

Tại Bản án sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, khoản 3, 4 Điều 32, khoản 2 Điều 116, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 6 Điều 38 của Luật đất đai năm 2003, khoản 3 Điều 7 của Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 3/12/2004, khoản 2 Điều 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là bà Huỳnh Thị C (đã chết, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện ông Đặng Thành C2, bà Đặng Thị Kim L, ông Đặng Thanh D, ông Đặng Ngọc H1, bà Mai Thị Ngọc A, anh Đặng Tư N, anh Đặng Văn H2) về việc yêu cầu Tòa án hủy một phần các Quyết định giải quyết khiếu nại số 129/QĐ-UBND ngày 08/3/2017 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện C1 về việc giải quyết nội dung đơn khiếu nại của ông Đặng Thành C2 (người được bà Huỳnh Thị C ủy quyền), trú tại TDP 10, thị trấn C1, cụ thể là yêu cầu hủy bỏ Điều 1 của quyết định này và Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 18/5/2017 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giải quyết khiếu nại của ông Đặng Thành C2, cư trú tại tổ dân phố 10, thị trấn C1, huyện C1, tỉnh Gia Lai (người được bà Huỳnh Thị C ủy quyền thực hiện việc khiếu nại) (lần hai), cụ thể là hủy bỏ phần ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai buộc gia đình bà C lấn chiếm 892,8m^2 đất nông nghiệp.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/11/2018 ông Đặng Thành C2 (người thừa kế quyền, nghĩa vụ của người khởi kiện) kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết các nội dung sau:

- Hủy bỏ phần buộc gia đình Ông lấn chiếm 892,8m2 đất nông nghiệp được nêu trong Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 18/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giải quyết khiếu nại của ông Đặng Thành C2, cư trú tại tổ dân phố 10, thị trấn C1, huyện C1, tỉnh Gia Lai (người được bà Huỳnh Thị C ủy quyền thực hiện việc khiếu nại).

- Hủy bỏ Điều 1 Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 08/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện C1 về việc giải quyết nội dung đơn khiếu nại của ông Đặng Thành C2 (người được bà Huỳnh Thị C ủy quyền) để đề nghị Chủ tịch UBND huyện C1 phải bồi thường hỗ trợ 50% giá trị đất ở của 892,8m2 đất nông nghiệp bị thu hồi với số tiền

892.800.000 đồng (892,8 x 2.000.000 đồng x 50%).

Tại phiên tòa: Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện; không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét kháng cáo của ông Đặng Thành C2 (người thừa kế quyền, nghĩa vụ của người khởi kiện) yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết các nội dung sau:

Hủy bỏ phần buộc gia đình Ông lấn chiếm 892,8m2 đất nông nghiệp được nêu trong Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 18/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giải quyết khiếu nại của ông Đặng Thành C2, cư trú tại tổ dân phố 10, thị trấn C1, huyện C1, tỉnh Gia Lai (người được bà Huỳnh Thị C ủy quyền thực hiện việc khiếu nại).

Hủy bỏ Điều 1 Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 08/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện C1 về việc giải quyết nội dung đơn khiếu nại của ông Đặng Thành C2 (người được bà Huỳnh Thị C ủy quyền) để đề nghị Chủ tịch UBND huyện C1 phải bồi thường hỗ trợ 50% giá trị đất ở của 892,8m2 đất nông nghiệp bị thu hồi thì thấy:

[1.1]. Đối với kháng cáo yêu cầu hủy bỏ phần buộc gia đình Ông lấn chiếm 892,8m2 đất nông nghiệp được nêu trong Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 18/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giải quyết khiếu nại của ông Đặng Thành C2 (sau đây gọi là Quyết định 516).

Nguồn gốc 892,8m2 đất nông nghiệp là do gia đình Bà khai hoang năm 1986, căn cứ mà bà cung cấp cho Tòa án là biên bản họp xác minh nguồn gốc, mục đích và thời điểm sử dụng đất của hộ bà Huỳnh Thị C ngày 18/9/2012 và giấy thừa kế đề ngày 8/4/2003 (bản photocopy). Trong quá trình khiếu nại và khi tham gia tố tụng, bà C cho rằng tại biên bản họp xác minh ngày 18/9/2012 các thành viên trong buổi họp đã thống nhất và thừa nhận diện tích 892,8m2 đất nông nghiệp này là do gia đình Bà khai hoang năm 1986, tuy nhiên Ủy ban nhân dân huyện C1 và Thanh tra tỉnh Gia Lai đã tiến hành làm việc xác minh lại thời điểm sử dụng đất của bà C thì lời khai của các hộ lân cận về thời điểm gia đình bà C khai hoang và sử dụng diện tích đất này không thống nhất. Đối với giấy thừa kế đề ngày 8/4/2003, nội dung thể hiện bà Huỳnh Thị C để thừa kế cho con trai là Đặng Thành C2 01 mảnh đất ở phía sau được

khai hoang và đi vào sử dụng từ năm 1991, nhưng không ghi rõ diện tích và không có cơ sở để xác định thửa đất mà bà C để thừa kế cho ông C2 tại giấy thừa kế đề ngày 8/4/2003 và diện tích 892,8m2 đất nông nghiệp mà bà cho rằng gia đình bà khai hoang là cùng một thửa đất và thời gian khai hoang, đưa vào sử dụng của thửa đất để thừa kế (năm 1991) mâu thuẫn với thời gian khai hoang và sử dụng đất đối với diện tích 892,8m2 đất nông nghiệp (1986). Ngoài các tài liệu nêu trên, bà C không có tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh cho lời khai này là có căn cứ.

Mặt khác, theo bản đồ hiện trạng được đo vẽ năm 1999 được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt ngày 31/01/2000 và sổ mục kê năm 2000 thể hiện, bà C đang sử dụng diện tích 922,3m2 tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 62; diện tích 892,8m2 nằm phía Đông thửa đất số 76 của bà C và thuộc thửa đất số 70, tờ bản đồ số 62, diện tích 88.167,7m2 đất thủy lợi Hồ B do UBND thị trấn C1 quản lý. Năm 2007, bà Huỳnh Thị C được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 602633 nhưng bà C chỉ kê khai, đăng ký để được cấp với diện tích 922,3m2 được đo vẽ theo bản đồ hiện trạng năm 2000 mà không kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 892,8m2. Tại đơn kê khai để đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà C tự kê khai giới cận phía Đông giáp Hồ B và theo sơ đồ thửa đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 602633 thể hiện phía Đông thửa đất bà C được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là Hồ B thuộc thửa đất số 70, tờ bản đồ số 62, chứ không phải giáp với diện tích 892,8m2 mà bà khai rằng gia đình bà đã khai hoang năm 1986 và cho ông C2 sử dụng từ năm 2003.

Hơn nữa, kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2005 đến 2007 của một số hộ lân cận với hộ bà C như hộ Đặng Văn T3, Võ Thị Mỹ L1, Phạm Chí T4 tại các thửa số 74, 75, 76 đều thể hiện Phía Đông giáp với hồ B chứ không phải giáp với diện tích 892,8m2. Vì vậy, lời khai của bà C về nguồn gốc diện tích 892,8m2 là đất do bà khai hoang năm 1986 là không có cơ sở. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của bà Huỳnh Thị C là có căn cứ.

[1.2] Đối với kháng cáo yêu cầu hủy bỏ Điều 1 Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 08/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện C1 về việc giải quyết nội dung đơn khiếu nại của ông Đặng Thành C2 (người được bà Huỳnh Thị C ủy quyền) để đề nghị Chủ tịch UBND huyện C1 phải bồi thường hỗ trợ 50% giá trị đất ở của 892,8m2 đất nông nghiệp bị thu hồi.

Như đã nhận định ở trên thì, diện tích 892,8m2 đất nông nghiệp mà bà C khiếu nại yêu cầu hỗ trợ thêm 50% giá đất ở thuộc trường hợp không đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại khoản 6 Điều 38 của Luật đất đai năm 2003, khoản 3 Điều 7 của Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 3/12/2004, khoản 2 Điều 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ và khoản 4 Điều 4 Quyết định số 05A/2011/QĐ-UBND ngày 25/4/2011 của UBND tỉnh Gia Lai. Tuy nhiên, việc sai sót trong vấn đề xác minh nguồn gốc đất khi thu hồi là của cơ quan chuyên môn của UBND huyện C1 nên việc gia đình bà C vẫn được hưởng số tiền 96.422.400 đồng tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án số 01/PA-ĐT ngày 02/7/2013 của Ban quản lý công trình đô thị và vệ sinh môi trường là phù hợp. Ngoài ra, tại biên bản làm

việc ngày 15/11/2012, ông C2 (là người được bà C ủy quyền) đã có ý kiến: "Đối với phần diện tích khai hoang gia đình đề nghị bồi thường theo giá đất nông nghiệp, không cần áp dụng thêm hình thức hỗ trợ đất nông nghiệp trong khu dân cư thuộc thị trấn" nên kháng cáo của ông Đặng Thành C2 về nội dung này cũng không có căn cứ để chấp nhận.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người thừa kế quyền khởi kiện (ông Đặng Thành C2) kháng cáo yêu cầu được xem xét lại các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm nhưng không có chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bác đơn kháng cáo của ông Đặng Thành C2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

[3]. Do bị bác đơn kháng cáo nên ông Đặng Thành C2 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

1. Bác kháng cáo của ông Đặng Thành C2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Áp dụng: Khoản 6 Điều 38 của Luật đất đai năm 2003; khoản 3 Điều 7 của Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 3/12/2004; khoản 2 Điều 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của của bà Huỳnh Thị C (đã chết) gồm: Ông Đặng Thành C2, bà Đặng Thị Kim L, ông Đặng Thanh D, ông Đặng Ngọc H1, bà Mai Thị Ngọc A, anh Đặng Tư N, anh Đặng Văn H2 về việc: Yêu cầu Tòa án hủy một phần các Quyết định giải quyết khiếu nại số 129/QĐ-UBND ngày 08/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C1 về việc giải quyết nội dung đơn khiếu nại của ông Đặng Thành C2 (người được bà Huỳnh Thị C ủy quyền), trú tại thị trấn C1, cụ thể là yêu cầu hủy bỏ Điều 1 của quyết định này và Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 18/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giải quyết khiếu nại của ông Đặng Thành C2, cư trú tại tổ dân phố 10, thị trấn C1, huyện C1, tỉnh Gia Lai (người được bà Huỳnh Thị C ủy quyền thực hiện việc khiếu nại) (lần hai), cụ thể là hủy bỏ phần Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai buộc gia đình bà C lấn chiếm 892,8m2 đất nông nghiệp.

3. Án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc Đặng Thành C2 phải chịu 300.000đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0004639 ngày

26/11/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

4. Án phí sơ thẩm được thực hiện theo Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
-VKSND cấp cao;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Cục THA dân sự tỉnh Gia Lai;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VT, HSVA, Phòng HCTP .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến